

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẮNG BÌNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2021/DS-ST**

Ngày: 08-6-2021

V/v: “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu và
giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẮNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Xuân Tiên.

2. Ông Phan Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trương Hồng Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-DS ngày 14/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm: 1973; trú tại: Thôn P, xã A, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Đồng bị đơn:* Bà Lê Thị Minh T, sinh năm: 1983 và ông Nguyễn Đức Th, sinh năm: 1977; cùng trú tại: Tổ 1, thôn K, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Bà T có mặt, ông Th vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

+ Ngân hàng thương mại A– Chi nhánh Quảng Nam; địa chỉ: 151 Phan Chu Trinh, phường Hòa Phước, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đình C, sinh năm: 1976; trú tại: 79 Lê Kim Lăng, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Trần Thị L trình bày:*

Ngày 29/3/2016, bà L có mua một chiếc xe ô tô khách 16 chỗ ngồi, biển kiểm soát 92B-009.70, giấy đăng ký xe ô tô số 003189 do Công an Quảng Nam cấp ngày 23/3/2015 của vợ chồng ông Nguyễn Đức Th, bà Lê Thị Minh T và hai bên tiến hành ký kết hợp đồng đặt cọc tại Văn phòng công chứng An Phát. Theo đó, bà đã đặt cọc cho vợ chồng ông Th, bà T số tiền 200.000.000 đồng; số tiền còn lại mỗi tháng bà trả 25.000.000 đồng từ ngày 09/5/2016 đến hết ngày 09/01/2017, từ ngày 09/01/2017 về sau bà tự trả cho Ngân hàng và vợ chồng ông Th, bà T không chịu trách nhiệm với số tiền nói trên. Vợ chồng bà T giao xe biển kiểm soát 92B-009.70 cho bà sử dụng từ ngày 29/3/2016. Tại thời điểm ký kết hợp đồng đặt cọc, bà biết chiếc xe ô tô biển kiểm soát 92B-009.70 đang thế chấp tại Ngân hàng để vay vốn.

Từ ngày 29/3/2016 đến trước ngày 20/6/2016, bà sử dụng xe này để vận chuyển hành khách theo tuyến Đà Nẵng đi Đắk Lắk và ngược lại, nhưng công việc kinh doanh gặp khó khăn do vợ chồng bà T không giao bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe, mà chỉ giao bản pho to đóng dấu của Ngân hàng nhưng thường xuyên giao trễ hạn nên bà không thể kinh doanh được. Bà nhận thấy có gì đó bất thường trong việc ký hợp đồng này nên bà yêu cầu phía vợ chồng bà T hủy hợp đồng đặt cọc.

Đến ngày 20/6/2016, bà và vợ chồng bà T ký Văn bản thỏa thuận tại Văn phòng công chứng An Phát với nội dung: Tổng số tiền bà mua chiếc xe ô tô khách Ford – Transit, biển kiểm soát 92B-009.70 của bà T là 600.000.000 đồng, còn lại 350.000.000 đồng bà trả cho bà T mỗi tháng 25.000.000 đồng vào các ngày 20/7/2016, 20/8/2016, 20/9/2016, 20/10/2016/20/11/2016, 20/12/2016, 20/01/2017 và đến ngày 09/02/2017 bà L thanh toán cho bà T 34.000.000 đồng; ngày 09/3/2017 bà L thanh toán cho bà T 34.000.000 đồng. Nếu trễ 03 ngày không đóng tiền thì bà T lấy xe và toàn bộ giấy tờ liên quan, bà L không có quyền khiếu nại gì sau này. Kể từ ngày 09/02/2017, bà L phải thanh toán thêm số tiền lãi tương đương với số tiền vay của Ngân hàng đối với số tiền vay 132.000.000 đồng. Thực hiện thỏa thuận này, tính đến tháng 11/2016 bà đã trả cho vợ chồng bà T tổng số tiền là 375.000.000 đồng nhưng đến ngày 29/12/2016, bà T chặn xe lại không báo trước cho bà mà còn đuổi khách ra khỏi xe để lấy lại xe và đánh đập bà.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 29/3/2016 và Văn bản thỏa thuận về việc mua bán xe lập ngày 20/6/2016 tại Văn phòng công chứng An Phát vô hiệu, buộc vợ chồng ông Th, bà T phải trả lại cho bà số tiền đã nhận là 375.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà xin rút một phần yêu cầu và đề nghị Tòa án tuyên bố Văn bản thỏa thuận về việc mua bán xe lập ngày 20/6/2016 tại Văn phòng công chứng An Phát vô hiệu và yêu cầu vợ chồng ông Th, bà T trả lại cho bà số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Ngoài ra, bà L không có yêu cầu gì khác.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Lê Thị Minh T trình bày:* Bà thừa nhận vợ chồng bà có bán chiếc xe ô tô khách 16 chỗ ngồi, hiệu Ford – Transit, biển kiểm soát 92B-009.70 cho bà Trần Thị L với giá

600.000.000 đồng và có ký hợp đồng đặt cọc ngày 29/3/2016, Văn bản thỏa thuận ngày 20/6/2016 như bà L đã trình bày và bà đã nhận của bà L tổng số tiền là 375.000.000 đồng. Việc các bên xảy ra tranh chấp là do lỗi của bà L không trả tiền hàng tháng đúng hạn như thỏa T lập ngày 20/6/2016 nên ngày 29/12/2016, bà đã lấy lại chiếc xe ô tô trên và hiện nay chiếc xe này bà đang quản lý.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải trả lại số tiền 300.000.000 đồng, bà thống nhất.

Đối với yêu cầu phản tố: Do trước đây bà L khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch xe và giữ sổ đăng kiểm, xe của bà không thể kinh doanh được, làm mất thu nhập nên bà yêu cầu bà L phải bồi thường cho bà khoản thu nhập bị mất do xe không lưu hành được từ tháng 02/2017 đến tháng 8/2017 là 06 tháng với số tiền là 90.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà xin rút yêu cầu phản tố và không yêu cầu bà L phải bồi thường số tiền trên. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn – ông Nguyễn Đức Th:* Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải. Tại phiên tòa, ông Th tiếp tục vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng thương mại A trình bày:* Ngày 01/4/2015, vợ chồng ông Th, bà T có ký hợp đồng tín dụng số 1110/15/TD/XXVII để vay số tiền 270.000.000 đồng. Khi vay tiền, ông bà có thể chấp chiếc xe ô tô khách 16 chỗ ngồi, hiệu Ford – Transit, biển kiểm soát 92B-009.70, nhưng hiện nay vợ chồng bà T đã thanh toán hết khoản vay cho Ngân hàng và ngày 22/7/2019 vợ chồng bà T đã nhận lại chiếc xe nêu trên. Vì vậy, Ngân hàng không còn liên quan nên không có ý kiến gì về việc khởi kiện của các bên đương sự và xin vắng mặt tại các phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Nguyễn Đình C trình bày:* Khi ký kết hợp đồng đặt cọc và văn bản thỏa thuận ngày 20/6/2016 tại Văn phòng công chứng An Phát; các bên đều biết rõ chiếc xe mà các bên mua bán bà T đang thế chấp tại Ngân hàng để vay vốn. Khi công chứng, ông đã giải thích rõ các quy định của pháp luật cho các bên biết và ký công chứng là xác nhận chữ ký còn nội dung do các bên tự thỏa thuận với nhau. Hiện nay ông đang chấp hành án tại Trại giam An Điền nên xin vắng mặt tại các phiên tòa và không có ý kiến gì về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 8 Điều 320, Điều 123 Bộ luật dân sự đề

ngợi Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố Văn bản thỏa T ngày 20/6/2016 vô hiệu. Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, căn cứ Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự buộc đồng bị đơn ông Nguyễn Đức Th và bà Lê Thị Minh T phải hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền 300.000.000 (*Ba trăm triệu*) đồng và phía bị đơn có toàn quyền đối với xe ô tô khách KBS: 92B-009.70.

- Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và việc rút toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn tại phiên tòa: Xét thấy việc rút yêu cầu của các đương sự là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 29/3/2016 vô hiệu và yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Nơi cư trú của ông Nguyễn Đức Th và bà Lê Thị Minh T tại Tổ 1, thôn K, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Bà L khởi kiện về việc: “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu*” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn – ông Nguyễn Đức Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đảm bảo theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Ngày 29/3/2016, tại Văn phòng công chứng An Phát, thành phố Đà Nẵng; bà Trần Thị L và vợ chồng ông Nguyễn Đức Th, Lê Thị Minh T có ký hợp đồng đặt cọc để mua bán chiếc xe khách 16 chỗ ngồi, hiệu Ford – Transit, biển kiểm soát 92B-009.70, giấy đăng ký xe ô tô số 003189 do Công an Quảng Nam cấp ngày 23/3/2015 với nội dung: Bà L đặt cọc cho ông Th, bà T số tiền 200.000.000 đồng; kể từ ngày 09/5/2016 đến hết ngày 09/01/2017 bà L trả cho vợ chồng ông Th, bà T mỗi tháng 25.000.000 đồng, từ ngày 09/01/2017 về sau bà L tự trả tiền cho Ngân hàng và vợ chồng ông Th, bà T không chịu trách nhiệm về số tiền nói trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đặt cọc thì phát sinh tranh chấp nên ngày 20/6/2016, tại Văn phòng công chứng An Phát các bên tiếp tục ký văn bản thỏa T với nội dung: Tổng số tiền bà L mua chiếc xe ô tô khách Ford – Transit, biển kiểm soát 92B-009.70 của bà T là 600.000.000 đồng, còn lại 350.000.000 đồng bà trả cho bà T mỗi tháng 25.000.000 đồng vào các ngày 20 hàng tháng và đến ngày 09/02/2017 bà L thanh toán cho bà T 34.000.000 đồng; ngày 09/3/2017 bà L thanh toán cho bà T 34.000.000 đồng. Nếu trễ 03 ngày không đóng tiền bà T lấy xe và toàn bộ giấy tờ liên quan, bà L không có quyền khiếu nại gì sau này. Kể từ ngày 09/02/2017, bà phải thanh toán thêm số tiền lãi tương đương với số tiền vay của Ngân hàng đối với số tiền vay 132.000.000 đồng, bà L trả tiền cho Ngân hàng vào ngày 09 hàng tháng, tính từ ngày

09/01/2018. Mọi trách nhiệm về chiếc xe do bà L chịu. Để thực hiện việc mua bán xe này, bà L đã trả cho vợ chồng ông Th, bà T số tiền 375.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 29/3/2016 và Văn bản thỏa thuận lập ngày 20/6/2016 tại Văn phòng công chứng An Phát vô hiệu. Tại phiên tòa, bà L xin rút yêu cầu về việc tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 29/3/2016 vô hiệu nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này của bà L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét Văn bản thỏa thuận ngày 20/6/2016 được ký kết giữa bà Trần Thị L và vợ chồng ông Nguyễn Đức Th, bà Lê Thị Minh T tại Văn phòng công chứng An Phát, thành phố Đà Nẵng với đối tượng giao dịch là chiếc xe khách 16 chỗ ngồi, hiệu Ford – Transit, biển kiểm soát 92B-009.70. Tại thời điểm giao dịch, các bên đều biết rõ chiếc xe này đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại A– chi nhánh Quảng Nam nhưng các bên vẫn thực hiện việc mua bán mà không được sự đồng ý của Ngân hàng là vi phạm điều cấm của luật theo quy định tại khoản 8 Điều 320 của Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ của bên thế chấp: *“Không được được bán, thay thế, trao đổi, tặng cho tài sản thế chấp...”*. Do đó, cần tuyên bố Văn bản thỏa thuận về việc mua bán xe lập ngày 20/6/2016 giữa bà Trần Thị L và vợ chồng bà Lê Thị Minh T vô hiệu.

[2.1] *Về lỗi làm cho hợp đồng vô hiệu và trách nhiệm bồi thường thiệt hại của các bên:* Khi xác lập việc mua bán tài sản là chiếc xe khách 16 chỗ ngồi, hiệu Ford – Transit, biển kiểm soát 92B-009.70. Các bên đều biết chiếc xe này đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại A– chi nhánh Quảng Nam nhưng các bên vẫn giao kết hợp đồng đặt cọc ngày 29/3/2016 và lập văn bản thỏa thuận ngày 20/6/2016 về việc mua bán chiếc xe nêu trên là vi phạm điều cấm của luật quy định tại Điều 123 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, trong trường hợp này lỗi của các bên là ngang nhau nên các bên phải có nghĩa vụ trả lại cho nhau những gì đã nhận là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015. Ngoài ra, xét quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 29/3/2016 bà L nhận xe và thanh toán cho vợ chồng ông Th, bà T số tiền 200.000.000 đồng; sau đó tiếp tục thanh toán theo thỏa thuận mỗi tháng 25.000.000 đồng và tính đến ngày 22/11/2016 bà L đã trả cho bà T số tiền 375.000.000 đồng, nhưng đến ngày 29/12/2016 vợ chồng bà T cho rằng bà L thanh toán không đúng hạn nên đã lấy lại xe và hiện nay đang quản lý xe này. Như vậy, việc bà L giao số tiền 375.000.000 đồng cho vợ chồng bà T nhận sử dụng và hưởng lợi từ việc sử dụng số tiền này, còn bà L nhận xe khai thác vận chuyển hành khách từ tháng 3/2016 đến tháng 12/2016 thì bà L được hưởng lợi từ việc mua bán chiếc xe này. Do đó, trong giao dịch này các bên đều được hưởng lợi từ tài sản mà các bên đã nhận nên các bên không phải bồi thường thiệt hại cho nhau là phù hợp với quy định tại Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] *Về giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu:* Do giao dịch dân sự giữa bà Trần Thị L và vợ chồng bà Lê Thị Minh T lập ngày 20/6/2016 tại Văn phòng công chứng An Phát, thành phố Đà Nẵng vô hiệu nên các bên phải hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận. Theo đó, vợ chồng bà T phải trả lại cho bà L số tiền đã nhận là 375.000.000 đồng, bà L phải trả lại cho vợ chồng bà T chiếc xe ô tô khách 16 chỗ ngồi, hiệu Ford – Transit, biển kiểm soát 92B-009.70 và sổ đăng kiểm xe. Ngày 29/12/2016 bà T đã lấy lại chiếc xe này từ bà L và xe này hiện nay bà T đang quản lý.

Vì vậy, cần buộc vợ chồng bà T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà L số tiền đã nhận là 375.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà L và bà T thống nhất với nhau số tiền phải trả là 300.000.000 đồng nên cần buộc vợ chồng ông Th, bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà L số tiền là 300.000.000 đồng.

[2.3] *Về yêu cầu phản tố của bị đơn:* Tại phiên tòa bà T rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Xét thấy, việc rút yêu cầu của bà T là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng thương mại A – chi nhánh Quảng Nam và ông Nguyễn Đình C. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án những người này không có liên quan đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Đối với giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô khách Ford – Transit, biển kiểm soát 92B-009.70:* Tại phiên tòa, bà T không yêu cầu nhận lại sổ đăng kiểm này vì đã hết hiệu lực nên sổ đăng kiểm sẽ được lưu theo hồ sơ vụ án.

[5] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận với số tiền là 15.000.000 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố đã rút với số tiền là 2.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 200, khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 131, Điều 320, Điều 321 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 18 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Trần Thị L về việc “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu*”.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Trần Thị L về việc tuyên bố Hợp đồng đặt cọc ngày 29/3/2016 vô hiệu.

2. Tuyên bố Văn bản thỏa thuận về việc mua bán xe ô tô khách 16 chỗ ngồi, nhãn hiệu Ford – Transit, biển kiểm soát 92B-009.70 lập ngày 20/6/2016 giữa bà Trần Thị L và bà Lê Thị Minh T tại Văn Phòng công chứng An Phát vô hiệu.

- Giao chiếc xe ô tô khách 16 chỗ ngồi, nhãn hiệu Ford – Transit, biển kiểm soát 92B-009.70 cho vợ chồng bà Lê Thị Minh T và ông Nguyễn Đức Th. Hiện nay chiếc xe này vợ chồng ông Th, bà T đã quản lý.

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đức Th và bà Lê Thị Minh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị L số tiền là 300.000.000 (*Ba trăm triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Minh T.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng bà Lê Thị Minh T và ông Nguyễn Đức Th phải chịu số tiền là 15.000.000 (*Mười lăm triệu*) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.250.000 mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020393 ngày 11/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng bà Lê Thị Minh T và ông Nguyễn Đức Th còn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.750.000 (*Mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng.

Hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 9.375.000 (*Chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020326 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Bà L đã nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.875.000 đồng tại Phiếu chi số 115 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Số tiền còn lại bà L được nhận là 4.500.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/6/2021); đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Thăng Bình;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Thế

